TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN P** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 250/2020/QĐST - HNGĐ	*P, ngày 04 tháng 12 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 242/2020/TLST - HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2020 về việc ly hôn giữa:

Nguyên đơn: Anh Trần Văn Đ, sinh năm 1990

Bị đơn: Chị Vũ Thị Huyền T, sinh năm 1990

Đều đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại: Tiểu khu P1, thị trấn P2, huyện P, thành phố Hà Nội.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 11 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 11 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trần Văn Đ và chị Vũ Thị Huyền T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

+ Về con chung: Giao chị Vũ Thị Huyền T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung là Trần Vũ Gia B, sinh ngày 23/10/2011 và Trần Vũ Trang L sinh ngày 23/11/2015; tạm miễn cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Trần Văn Đ đến khi con chung trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác. Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

+ Về tài sản chung: Các bên không đề nghị Tòa xét.

+ Về án phí: Ghi nhận việc anh Trần Văn Đ tự nguyện nộp cả 300.000đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ vào khoản tạm ứng án

phí 300.000đồng đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0005959 ngày 23/11/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện P. Anh Đ đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện P;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Trí Tuyển

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 40-DS:

(1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ghi họ tên, địa chỉ của đương sự. Tuỳ theo độ tuổi mà ghi Ông hoặc Bà, Anh hoặc Chị trước khi ghi họ tên.

(3) Ghi họ tên của đương sự ly hôn.

(4) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành (kể cả án phí).